
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý I năm 2021



MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|--------------|
| Mục lục Báo cáo tài chính tổng hợp | 1 |
| <i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</i> | <i>2-5</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp Quý I năm 2021</i> | <i>6</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp Quý I năm 2021</i> | <i>7-8</i> |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp Quý I năm 2021</i> | <i>9-42</i> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 109.065.305.331 | 100.021.195.558 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 17.916.436.374 | 4.005.735.990 |
| 1. Tiền | 111 | | 17.916.436.374 | 4.005.735.990 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.2 | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 91.028.640.390 | 91.510.299.816 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 53.827.208.031 | 49.063.025.057 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 37.098.745.517 | 39.882.894.330 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 102.686.842 | 2.564.380.429 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 120.228.567 | 4.505.159.752 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7 | 120.228.567 | 201.685.562 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 4.303.474.190 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 4.607.659.845.752 | 4.623.434.381.307 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 4.486.116.660.214 | 3.657.429.177.860 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 4.485.968.933.314 | 3.657.281.450.960 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 4.940.971.786.165 | 4.060.490.880.354 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (455.002.852.851) | (403.209.429.394) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 147.726.900 | 147.726.900 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 147.726.900 | 147.726.900 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 4.843.185.538 | 849.305.203.447 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 4.843.185.538 | 849.305.203.447 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 116.700.000.000 | 116.700.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.11 | 115.500.000.000 | 115.500.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2b | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 4.716.725.151.083 | 4.723.455.576.865 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 3.037.593.015.739 | 3.070.762.127.471 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 354.635.326.025 | 410.533.567.409 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 72.113.153.233 | 84.171.081.719 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 19.361.666.392 | 12.974.217.068 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.554.488.070 | 3.078.357.229 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14 | 14.099.680.001 | 12.025.165.845 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a | 28.209.338.329 | 24.722.745.548 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.16a | 218.297.000.000 | 273.562.000.000 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 2.682.957.689.714 | 2.660.228.560.062 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.19 | 378.808.650.231 | 378.808.650.231 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15b | 125.307.948.000 | 125.307.948.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.16b | 2.178.841.091.483 | 2.156.111.961.831 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.679.132.135.344 | 1.652.693.449.394 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 1.679.132.135.344 | 1.652.693.449.394 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 1.350.000.000.000 | 1.350.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.350.000.000.000 | 1.350.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 329.132.135.344 | 302.693.449.394 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 302.693.449.394 | 197.075.485.857 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 26.438.685.950 | 105.617.963.537 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 4.716.725.151.083 | 4.723.455.576.865 |

Người lập biểu



Trần Khánh Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Dũng Hoàng

Lập, ngày 25 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cươt, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2021

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Quý I | | Đơn vị tính: VND |
|--|-------------|-----------------|----------------|------------------|
| | | Năm nay | Năm trước | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1 | 156.938.670.589 | 88.982.093.959 | 88.982.093.959 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | - | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 156.938.670.589 | 88.982.093.959 | 88.982.093.959 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 64.448.745.381 | 30.232.756.833 | 30.232.756.833 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 92.489.925.208 | 58.749.337.126 | 58.749.337.126 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.446.758 | 4.347.939 | 4.347.939 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 52.721.422.936 | 37.928.429.943 | 37.928.429.943 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | 52.721.422.936 | 37.928.429.943 | 37.928.429.943 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | - | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 3.756.802.721 | 2.692.934.954 | 2.692.934.954 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 36.017.146.309 | 18.132.320.168 | 18.132.320.168 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | - | - | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | 2.109.951.659 | 271.421.250 | 271.421.250 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | (2.109.951.659) | (271.421.250) | (271.421.250) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 33.907.194.650 | 17.860.898.918 | 17.860.898.918 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 2.891.888.619 | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | - | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 31.015.306.031 | 15.860.898.918 | 15.860.898.918 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 195,84 | 126,22 | 126,22 |

Người lập biểu

Trần Khánh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng Hoàng



Nguyễn Duy Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|--|----------------------|------------------------------------|-------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 33.840.194.650 | 17.860.898.918 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 51.793.423.457 | 25.492.022.901 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (5.446.758) | (4.347.939) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 52.721.422.936 | 37.928.429.943 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 138.349.594.285 | 81.277.003.823 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 4.785.133.616 | (21.666.088.411) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | - | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (3.778.088.491) | (17.171.655.608) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 81.456.995 | (230.465.250) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (52.721.422.936) | (30.416.889.126) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (4.256.661.593) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 82.460.011.876 | 11.791.905.428 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (36.018.887.902) | (22.393.054.006) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 5.446.758 | 4.347.939 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (36.013.441.144) | (22.388.706.067) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | | Năm trước |
|--|----------------------|-------------------------|------------------------|----------------------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 29.729.129.652 | 49.136.861.222 | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (62.265.000.000) | (39.810.000.000) | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (32.535.870.348) | 9.326.861.222 | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 13.910.700.384 | (1.269.939.417) | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 4.005.735.990 | 7.309.911.204 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 17.916.436.374 | 6.039.971.787 |

Người lập biểu

Trần Khánh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng Hoàng

Lập, ngày 25 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cờm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ Quý I Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng, lắp đặt và thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh chính** :
 - Xây dựng, sản xuất, vận hành công trình điện năng;
 - Kinh doanh điện năng;
 - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu chính- viễn thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình năng lượng điện gió, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình đô thị và khu công nghiệp, trang trí nội thất;
 - Xây dựng lắp đặt các công trình, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, trạm biến thế 35KV;
 - Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke);
 - Sản xuất và mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
 - Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, khai thác đá;
 - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành tại Ninh Thuận

Lô 09, Dãy N2, Đường 16/4, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận.

Mã số chi nhánh: 0102899812-003

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:** Không có.
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ năm 2019.
8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 127 nhân viên đang làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Doanh nghiệp được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Trong Báo cáo tài chính riêng của Doanh nghiệp, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ..

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 20 – 50 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 25 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 10 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 05 - 07 |
| Tài sản cố định khác | 20 – 25 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Doanh nghiệp bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 105/2009/BĐDC tại địa chỉ thôn Nậm Cườm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp ngày 18 tháng 5 năm 2009.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cơm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Năm 2020 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trường Thành được hưởng ưu đãi thuế với các nội dung cụ thể như sau:

+ Các dự án Thủy điện Ngòi Hút 2A, thủy điện Pá Hu, Dự án Bầu Ngừ là dự án đầu tư mới được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm. Miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

+ Dự án Ngòi Hút 2 là dự án đầu tư mở rộng, theo đó dự án áp dụng thuế suất thuế phổ thông, miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm thứ hai Dự án được hưởng ưu đãi thuế này.

+ Hoạt động khác chịu thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

20. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 10.610.548.206 | 273.132.095 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.305.888.168 | 3.732.603.895 |
| Cộng | <u>17.916.436.374</u> | <u>4.005.735.990</u> |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tổng công ty điện lực Miền Bắc | 25.858.677.891 | 37.893.301.286 |
| Công ty Mua bán điện- Tập đoàn điện lực Việt Nam | 27.968.530.140 | 11.169.723.771 |
| Cộng | <u>53.827.208.031</u> | <u>49.063.025.057</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | <i>58.395.798</i> | <i>1.081.686.296</i> |
| Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành | 58.395.798 | 58.395.798 |
| Công ty TNHH Đầu tư xây lắp Trường Thành | - | 1.023.290.498 |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | <i>37.040.349.719</i> | <i>38.801.208.034</i> |
| Công ty TNHH cơ khí Tín Phát | 4.888.795.840 | 3.888.795.840 |
| Viện công nghệ năng lượng | - | - |
| Công ty Cổ phần Phúc Thành An | 2.334.083.884 | 6.028.850.000 |
| Công ty TNHH MTV thiết kế và chế tạo thiết bị điện | 5.123.000.000 | - |
| Công ty TNHH ĐMK Tư vấn Xây dựng | - | 5.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng hệ thống điện Bách Khoa | 4.024.350.000 | 4.024.350.000 |
| Công ty Cổ phần ngôi nhà hoàn hảo | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Trung tâm quỹ đất Ninh Thuận | 9.028.850.000 | 2.334.083.884 |
| Các nhà cung cấp khác | 6.641.269.995 | 12.525.128.310 |
| Cộng | <u>37.098.745.517</u> | <u>39.882.894.330</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cờm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Phải thu khác ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|--------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | | - | 1.490.699.845 | - |
| Công ty TNHH xây dựng Trường Thành | | - | 1.490.699.845 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 102.686.842 | - | 1.073.680.584 | - |
| Thuế GTGT đầu vào chưa Kê khai | 102.686.842 | - | 1.073.680.584 | - |
| Cộng | 102.686.842 | - | 2.564.380.429 | - |

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ dụng cụ | | 14.747.500 |
| Chi phí thuê nhà | | - |
| Chi phí bảo hiểm | 120.228.567 | 186.938.062 |
| Cộng | 120.228.567 | 201.685.562 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản khác | Cộng |
|--|--------------------------|--------------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.723.452.106.991 | 2.221.076.626.852 | 23.224.557.135 | 391.739.450 | 92.345.849.926 | 4.060.490.880.354 |
| Đầu tư XD/CB hoàn thành | - | 880.480.905.811 | - | - | - | 880.480.905.811 |
| Số cuối kỳ | 1.723.439.906.939 | 3.101.569.875.647 | 23.224.557.135 | 391.739.450 | 92.345.706.994 | 4.940.971.786.165 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | 377.293.905 | 2.928.116.408 | 310.375.814 | - | 3.615.786.127 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 225.821.072.282 | 146.896.938.472 | 9.579.598.865 | 345.110.662 | 20.566.709.113 | 403.209.429.394 |
| Khấu hao trong năm | 12.830.461.807 | 37.504.347.130 | 515.570.541 | 4.068.182 | 938.975.798 | 51.793.423.457 |
| Số cuối kỳ | 238.651.534.089 | 184.401.285.602 | 10.095.169.406 | 349.178.843 | 21.505.684.911 | 455.002.852.851 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.497.618.834.657 | 2.074.192.031.364 | 13.644.958.270 | 46.628.788 | 71.778.997.881 | 3.657.281.450.960 |
| Số cuối kỳ | 1.484.788.372.850 | 2.917.168.590.045 | 13.129.387.729 | 42.560.607 | 70.840.022.083 | 4.485.968.933.314 |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 4.917.355.489.580 VND và 4.472.796.984.978 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn; Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái; Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.

7. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị Quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 105/2009/BDDC tại địa chỉ thôn Nậm Cườm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp ngày 18 tháng 5 năm 2009. Giá trị quyền sử dụng đất này đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cờm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-------------------------------|
| <i>Xây dựng cơ bản dở dang</i> | | |
| Mỏ sắt | 904.001.900 | 904.001.900 |
| Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngứ | - | 24.096.391.969 |
| Nhà máy điện mặt trời hồ Núi Một 1 | - | 822.384.859.849 |
| Thủy điện Nậm Búng | 50.000.000 | 50.000.000 |
| Thủy điện Nậm Cang 1A | 687.336.442 | 687.336.442 |
| Thủy điện Nậm Tằng 3 | 500.909.091 | 500.909.091 |
| Dự án Khu đô thị Dịch vụ Sinh thái phía Nam Sông Dinh | 681.704.196 | 681.704.196 |
| Thủy điện Pá Hu | 2.019.233.909 | - |
| Cộng | <u>4.843.185.538</u> | <u>849.305.203.447</u> |

9. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Là khoản Đầu tư vào Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh 4100440107 thay đổi lần 07 ngày 16 tháng 04 năm 2020. Theo Quyết định Đại hội đồng cổ đông số 04/QĐ-HĐCD ngày 07 tháng 4 năm 2020. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai sẽ giảm từ 400 tỷ đồng xuống 330 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành nắm giữ 11.550.000 cổ phần tương ứng 115.500.000.000 (VND) chiếm 35% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai.

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| Trái phiếu kỳ hạn 7 năm | - | - | - | - |
| Trái phiếu kỳ hạn 10 năm | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 |
| Cộng | <u>1.200.000.000</u> | <u>1.200.000.000</u> | <u>1.200.000.000</u> | <u>1.200.000.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

a) Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>13.041.201.161</i> | <i>23.786.570.018</i> |
| Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành | 3.405.879.527 | 15.213.429.135 |
| Công ty TNHH Đầu tư Xây lắp Trường Thành | 9.635.321.634 | 8.573.140.883 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>59.071.952.072</i> | <i>60.384.511.701</i> |
| FLOVEL ENERGY PRIVATE LIMITED | 4.382.910.000 | 4.382.910.000 |
| GE Energy Power Conversion UK Ltd | 21.337.094.796 | 21.337.094.796 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Trường Thành | 7.724.819.157 | 9.224.819.157 |
| Công ty Cổ phần Phúc Thành An | 8.936.219.264 | 7.936.219.264 |
| Công ty TNHH MTV thiết kế và chế tạo thiết bị điện | 1.921.789.588 | 5.833.897.040 |
| Công ty TNHH Tư vấn Thí nghiệm điện Miền Bắc | - | - |
| Công ty Cổ Phần Vận tải Quốc tế Cường Thịnh | 1.827.757.016 | 2.327.757.016 |
| Công ty CP xây lắp Thăng Long Hà Nội | 3.881.512.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 9.059.850.251 | 9.341.814.428 |
| Cộng | <u>72.113.153.233</u> | <u>84.171.081.719</u> |

b) Phải trả người bán dài hạn

Là khoản phải trả dài hạn GE Grid solutions, LLC theo Hợp đồng TTDC-GE-NUIMOT-290320 ngày 29/03/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cơm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối kỳ | | |
|--|-----------------------|----------|------------------------|------------------------|---------------------------------|-----------------------|----------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Hoàn thuế kiêm bù trừ ngân sách | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 497.248.790 | - | 9.399.763.499 | (1.261.203.963) | - | 8.635.808.326 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.967.285.379 | - | 2.891.888.619 | (1.179.784.592) | - | 8.679.389.406 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 68.491.445 | - | 142.850.825 | (13.755.443) | - | 197.586.827 | - |
| Thuế tài nguyên | 1.936.668.242 | - | 2.710.501.245 | (3.826.571.890) | - | 820.597.597 | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 4.000.000 | (4.000.000) | - | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 3.504.523.212 | - | 1.028.284.236 | (3.504.523.212) | - | 1.028.284.236 | - |
| Cộng | 12.974.217.068 | - | 16.177.288.424 | (9.789.839.100) | - | 19.361.666.392 | - |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2020 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trường Thành được hưởng ưu đãi thuế với các nội dung cụ thể như sau:

+ Các dự án Thủy điện Ngòi Hút 2A, thủy điện Pá Hu, Dự án Bầu Ngừ là dự án đầu tư mới được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm. Miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

+ Dự án Ngòi Hút 2 là dự án đầu tư mở rộng, theo đó dự án áp dụng thuế suất thuế phổ thông, miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm thứ hai Dự án được hưởng ưu đãi thuế này.

+ Hoạt động khác chịu thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | | - |
| Chi phí phải trả công trình xây dựng | 14.099.680.001 | 12.025.165.845 |
| Cộng | 14.099.680.001 | 12.025.165.845 |

14. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | - | 396.000.000 |
| Thù lao HĐQT năm 2020 | - | 396.000.000 |
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 28.209.338.329 | 24.326.745.548 |
| Kinh phí công đoàn | 32.265.440 | 24.378.720 |
| Bảo hiểm xã hội | 35.298.500 | 41.701.680 |
| Bảo hiểm y tế | 6.511.500 | 7.525.620 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 2.894.000 | 3.270.720 |
| Lợi nhuận Hợp tác kinh doanh năm 2020 | 23.525.216.890 | 23.525.216.890 |
| Lợi nhuận Hợp tác kinh doanh năm 2021 | 4.576.620.081 | |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 30.531.918 | 724.651.918 |
| Cộng | 28.209.338.329 | 24.722.745.548 |

b) Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả Hợp tác kinh doanh Dự án Thủy điện Ngòi hút 2; Dự án Thủy điện Ngòi hút 2A; Dự án Nhà máy điện Mặt trời Hồ Bầu Ngừ

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| Ông Nguyễn Duy Viễn (*) | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| Phải trả Hợp tác kinh doanh | 120.807.948.000 | 120.807.948.000 |
| Ông Cao Đăng Kiêu (**) | 97.141.760.000 | 97.141.760.000 |
| Ông Trâu Kiến Hoa (***) | 5.555.388.000 | 5.555.388.000 |
| Ông Daniel Triệu (****) | 11.110.800.000 | 11.110.800.000 |
| Ông Tô Thanh Hà (*****) | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Ông Phạm Mạnh Thắng (*****) | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Cộng | 125.307.948.000 | 125.307.948.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cơm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Là khoản phải trả Ông Nguyễn Duy Viễn theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 05/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Nguyễn Duy Viễn góp 4.500.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Nguyễn Duy Viễn sẽ được hưởng 5,35 % lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(**) Là khoản phải trả Ông Cao Đăng Kiểu theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 07/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Cao Đăng Kiểu góp 77.386.200.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Cao Đăng Kiểu sẽ được hưởng 20,44% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Cao Đăng Kiểu góp 19.755.560.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Cao Đăng Kiểu sẽ được hưởng 23,49% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(***) Là khoản phải trả Trâu Kiến Hoa theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Trâu Kiến Hoa góp 4.890.800.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Trâu Kiến Hoa sẽ được hưởng 1,11% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 02/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Trâu Kiến Hoa góp 664.588.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Trâu Kiến Hoa sẽ được hưởng 0,79% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(****) Là khoản phải trả Daniel Triệu theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 04/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Daniel Triệu góp 9.781.600.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Daniel Triệu sẽ được hưởng 2,59% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2
+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 03/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Daniel Triệu góp 1.329.200.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Daniel Triệu sẽ được hưởng 1,58 % lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(*****) Là khoản phải trả Ông Tô Thanh Hà theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 08/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 02/04/2020. Theo đó Ông Tô Thanh Hà góp 4.000.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Tô Thanh Hà sẽ được hưởng 0,91 % lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2.

(*****) Là khoản phải trả Ông Phạm Mạnh Thắng theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể
Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 2007/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 20/07/2020. Theo đó Ông Phạm Mạnh Thắng góp 3.000.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Hồ Bầu Ngừ. Ông Phạm Mạnh Thắng sẽ được chia lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy điện Mặt trời Hồ Bầu Ngừ căn cứ theo đúng tỷ lệ góp vốn của Ông Phạm Mạnh Thắng trên Tổng giá trị vốn tự có đầu tư thực tế của Dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo | 26.727.000.000 | 26.727.000.000 | 20.597.000.000 | 20.597.000.000 |
| Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo | 26.727.000.000 | 26.727.000.000 | 20.597.000.000 | 20.597.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng | 191.570.000.000 | 191.570.000.000 | 252.965.000.000 | 252.965.000.000 |
| Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2 (1) | 11.980.000.000 | 11.980.000.000 | 15.845.000.000 | 15.845.000.000 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (2) | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái (3) | 76.590.000.000 | 76.590.000.000 | 102.120.000.000 | 102.120.000.000 |
| Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - CN Yên Bái và Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - CN Chương Dương - hợp đồng tín dụng số 01/2014/2548422 ngày 7/5/2014 (4) | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 (5) | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (6) | 65.500.000.000 | 65.500.000.000 | 85.000.000.000 | 85.000.000.000 |
| Cộng | 218.297.000.000 | 218.297.000.000 | 273.562.000.000 | 273.562.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau :

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Giảm khác | Số cuối kỳ |
|--|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|------------------------------|-----------|------------------------|
| Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo | 20.597.000.000 | 7.000.000.000 | - | (870.000.000) | - | 26.727.000.000 |
| Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo | 20.597.000.000 | 7.000.000.000 | - | (870.000.000) | - | 26.727.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng | 252.965.000.000 | - | - | (61.395.000.000) | - | 191.570.000.000 |
| Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2A (1) | 15.845.000.000 | - | - | (3.865.000.000) | - | 11.980.000.000 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (2) | 4.000.000.000 | - | - | (1.000.000.000) | - | 3.000.000.000 |
| Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái (3) | 102.120.000.000 | - | - | (25.530.000.000) | - | 76.590.000.000 |
| Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - CN Yên Bái và Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - CN Chương Dương - hợp đồng tín dụng số 01/2014/2548422 ngày 7/5/2014 (4) | 40.000.000.000 | - | - | (10.000.000.000) | - | 30.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái-hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 (5) | 6.000.000.000 | - | - | (1.500.000.000) | - | 4.500.000.000 |
| Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (6) | 85.000.000.000 | - | - | (19.500.000.000) | - | 65.500.000.000 |
| Cộng | 273.562.000.000 | 7.000.000.000 | - | (62.265.000.000) | - | 218.297.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo</i> | <i>139.250.977.715</i> | <i>139.250.977.715</i> | <i>138.400.977.715</i> | <i>138.400.977.715</i> |
| Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo | 139.250.977.715 | 139.250.977.715 | 138.400.977.715 | 138.400.977.715 |
| <i>Vay dài hạn ngân hàng</i> | <i>2.039.590.113.768</i> | <i>2.039.590.113.768</i> | <i>2.017.710.984.116</i> | <i>2.017.710.984.116</i> |
| Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2A(1) | 129.366.951.022 | 129.366.951.022 | 129.366.951.022 | 129.366.951.022 |
| Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Pá Hu (2) | 602.600.000.000 | 602.600.000.000 | 602.600.000.000 | 602.600.000.000 |
| Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái (3) | 179.880.966.818 | 179.880.966.818 | 179.880.966.818 | 179.880.966.818 |
| Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - CN Yên Bái và Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - CN Chương Dương - hợp đồng tín dụng số 01/2014/2548422 ngày 7/5/2014 (4) | 13.165.634.000 | 13.165.634.000 | 13.165.634.000 | 13.165.634.000 |
| Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 (5) | 55.500.000.000 | 55.500.000.000 | 55.500.000.000 | 55.500.000.000 |
| Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (6) | 788.999.986.619 | 788.999.986.619 | 788.999.986.619 | 788.999.986.619 |
| Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 (7) | 270.076.575.309 | 270.076.575.309 | 248.197.445.657 | 248.197.445.657 |
| Cộng | 2.178.841.091.483 | 2.178.841.091.483 | 2.156.111.961.831 | 2.156.111.961.831 |

(1) Là khoản Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 99-2015/HĐTD/SL-LA/NH2A ngày 15/6/2015, hạn mức cho vay là 134.000.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Ngòi Hút 2A, thời gian vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là quyền đối với vốn góp của các cổ đông của công ty căn cứ hợp đồng thế chấp số 01-2015 ngày 20/6/2015, giá trị tạm tính của tài sản đảm bảo này là 409.735.000.000 VND, hợp đồng bổ sung thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 02-2016/HĐSDBS ngày 01/9/2016, giá trị tài sản hình thành tạm tính là 256.165.000.000 VND. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-2016HĐTD/SL-LA/NH2A ngày 01/9/2016, thay đổi hạn mức vay là 179.000.000.000 VND và phụ lục Kế hoạch trả nợ theo đó khoản vay được tắt toán ngày 30/9/2027.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(2) Là khoản Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 02-2017/HĐTD/SL-LA ngày 10/10/2017, hạn mức vay 607.000.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Pá Hu, thời gian vay là 14 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị công trình dự án.

(3) Là khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 01/2011/HDDTDDDT-NHPT ngày 29/1/2011, mục đích đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị cho dự án "Đầu tư xây dựng thủy điện Ngòi Hút 2", tổng số tiền vay 622.868.000.000 VND, hợp đồng sửa đổi hợp đồng tín dụng đầu tư số 02/2015/HDSDBS-NHPT ngày 06/08/2015, sửa đổi số tiền vay tối đa là 703.868.000.000 VND, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ gốc là 114 tháng, lãi suất trong hạn 9,6%, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2011/HĐTCTS-NHPT ngày 29/01/2011, hợp đồng sửa đổi bổ sung thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/HĐTCTS-NHPT ngày 18/7/2016, giá trị tài sản thế chấp xác định là 1.385.102.645.120 VND. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02/2016/HĐSDBS-NHPT ngày 28/4/2016 sửa đổi bổ sung về mức trả nợ hàng năm theo đó khoản vay sẽ được tất toán vào Quý 2 năm 2023.

(4) Là khoản Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái và Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/2548422/HĐTD ngày 7/5/2014, hạn mức vay 172.696.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Ngòi Hút 2, tổng mức đầu tư phê duyệt là 1.239.080.000.000 VND, thời gian vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau dự án. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 30 tháng 6 năm 2015 sửa đổi bổ sung kế hoạch trả phí, lãi và nợ gốc theo đó khoản vay này sẽ được tất toán vào ngày 31/5/2022.

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 nhằm mục đích bổ sung đầu tư dự án thủy điện Ngòi Hút 2, số tiền vay 77.000.000.000 VND, thời hạn vay 120 tháng, tài sản thế chấp là TSCĐ hình thành sau dự án. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2016/2548422/HĐTD tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung kế hoạch trả nợ gốc và lãi, theo đó khoản vay này sẽ được tất toán vào ngày 19/6/2023.

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 nhằm mục đích đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngừ do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 1.426.050.000.000 VND, tổng số tiền gốc tối đa 914.000.000.000 VND nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư dự án, thời hạn vay là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành sau dự án căn cứ hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2018/2548422 ngày 06/8/2018 và hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số 03/2018/2548422/HĐTC ngày 06/8/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(7) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 nhằm mục đích đầu tư Trang trại điện mặt trời Hồ Núi Một 1 do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 1.036.000.000.000 VND, tổng số tiền gốc tối đa 648.000.000.000 VND nhưng không vượt quá 69% tổng mức đầu tư dự án, thời hạn vay là 156 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất (trường hợp được pháp luật cho phép) và các bất động sản khác của Dự Án, Các Công Trình Dự Án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các Tài Khoản, các quyền tài sản (kể cả quyền theo các Chấp Thuận) và các quyền theo các hợp đồng (kể cả quyền theo các Văn Kiện Dự Án: quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ Hợp đồng bảo hiểm, Hợp đồng bán điện) (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Bên Vay liên quan đến Dự Án theo Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản; Hợp đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản của Dự Án. Bên vay thế chấp tài sản đảm bảo khác ngoài tài sản hình thành từ vốn vay là 50% giá trị dự án nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành được Ngân hàng VDB chi nhánh Yên Bái và BIDV tài trợ vốn (trong đó: Bảo đảm cho toàn bộ dư nợ của dự án thủy điện Ngòi Hút 2 tại BIDV (BIDV Chi nhánh Chương Dương và BIDV Chi nhánh Yên Bái) bảo đảm cho dự án điện mặt trời hồ Bàu Ngự khoảng 115 tỷ; bảo đảm cho dự án điện mặt trời Hồ Núi Một 1 tối thiểu 210 tỷ đồng). Bảo đảm bằng các quyền phát sinh từ Dự án: quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất, quyền thụ hưởng bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Tăng khác | Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | Số cuối kỳ |
|--|--------------------------|---------------------------------|--------------------|---|--------------------------|
| Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo | 138.400.977.715 | - | 850.000.000 | - | 139.250.977.715 |
| Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo | 138.400.977.715 | - | 850.000.000 | - | 139.250.977.715 |
| Vay dài hạn ngân hàng | 2.017.710.984.116 | 21.879.129.652 | - | - | 2.039.590.113.768 |
| Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2A (1) | 129.366.951.022 | - | - | - | 129.366.951.022 |
| Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Pá (2) | 602.600.000.000 | - | - | - | 602.600.000.000 |
| Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái (3) | 179.880.966.818 | - | - | - | 179.880.966.818 |
| Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - CN Yên Bái và Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - CN Chương Dương - hợp đồng tín dụng số 01/2014/2548422 ngày 7/5/2014 (4) | 13.165.634.000 | - | - | - | 13.165.634.000 |
| Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 (5) | 55.500.000.000 | - | - | - | 55.500.000.000 |
| Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (6) | 788.999.986.619 | - | - | - | 788.999.986.619 |
| Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 (7) | 248.197.445.657 | 21.879.129.652 | - | - | 270.076.575.309 |
| Cộng | 2.156.111.961.831 | 21.879.129.652 | 850.000.000 | - | 2.178.841.091.483 |



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | LNST chưa phân phối | Cộng |
|---|-------------------------------|----------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 1.350.000.000.000 | 197.075.485.857 | 1.547.075.485.857 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | 129.143.180.427 | 129.143.180.427 |
| Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh năm 2020 | - | (23.525.216.890) | (23.525.216.890) |
| Số dư cuối năm trước | 1.350.000.000.000 | 302.693.449.394 | 1.652.693.449.394 |
| Số dư đầu năm nay | 1.350.000.000.000 | 302.693.449.394 | 1.652.693.449.394 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | 31.015.306.031 | 31.015.306.031 |
| Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh năm 2021 | - | (4.576.620.081) | (4.576.620.081) |
| Số dư cuối năm nay | 1.350.000.000.000 | 329.132.135.344 | 1.679.132.135.344 |

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

| | Số cuối kỳ | Tỷ lệ | Số đầu năm | Tỷ lệ |
|------------------------------------|--------------------------|----------------|--------------------------|----------------|
| Ông Trần Huy Đức (*) | 314.000.000.000 | 23,26% | 314.000.000.000 | 23,26% |
| Ông Trần Huy Thiệu | 88.000.000.000 | 6,52% | 88.000.000.000 | 6,52% |
| Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành | 319.000.000.000 | 23,63% | 319.000.000.000 | 23,63% |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc | 157.000.000.000 | 11,63% | 157.000.000.000 | 11,63% |
| Ông Cao Đăng Mùi | - | - | - | - |
| Ông Nguyễn Duy Viễn | - | - | - | - |
| Các cổ đông khác | 472.000.000.000 | 34,96% | 472.000.000.000 | 34,96% |
| Cộng | 1.350.000.000.000 | 100,00% | 1.350.000.000.000 | 100,00% |

(*) Tham chiếu thuyết minh VII.6

c) Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 135.000.000 | 135.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 135.000.000 | 135.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 135.000.000 | 135.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 135.000.000 | 135.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 135.000.000 | 135.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a) Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------|-------------------|-------------------|
| Ngoại tệ các loại | | |
| Dollar Mỹ (USD) | 79,81 | 79,81 |

b) Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------|-------------------|-------------------|
| Nợ khó đòi đã xử lý | 2.019.870.488 | 2.019.870.488 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ | |
|---|--------------------------------------|------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán điện | 153.247.644.324 | 88.982.093.959 |
| Doanh thu thuế phí liên quan đến hoạt động bán điện | 3.691.026.265 | |
| Cộng | <u>156.938.670.589</u> | <u>88.982.093.959</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ | |
|---|--------------------------------------|------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn điện | 60.757.719.116 | 30.232.756.833 |
| Giá vốn thuế phí liên quan đến hoạt động bán điện | 3.691.026.265 | |
| Cộng | <u>64.448.745.381</u> | <u>30.232.756.833</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ | |
|---------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi | 5.446.758 | 4.347.939 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | - |
| Lãi chuyển nhượng cổ phần | - | - |
| Cộng | <u>5.446.758</u> | <u>4.347.939</u> |

4. Chi phí tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ | |
|-----------------|--------------------------------------|------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí lãi vay | 52.721.422.936 | 37.928.429.943 |
| Cộng | <u>52.721.422.936</u> | <u>37.928.429.943</u> |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ | |
|----------------------------------|--------------------------------------|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí cho nhân viên | 2.003.663.397 | 884.792.380 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 4.068.182 | 4.068.182 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 293.975.721 | 293.804.303 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ | |
|--|--------------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thuế, phí và lệ phí | 20.969.000 | 21.460.000 |
| Các chi phí khác | 1.434.126.421 | 1.488.810.089 |
| Cộng | 3.756.802.721 | 2.692.934.954 |
| 6. Chi phí khác | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Các khoản chi ủng hộ | 252.322.652 | |
| Phạt thuế | 1.195.372.517 | |
| Chi phí khấu hao không được trừ | 271.421.250 | 271.421.250 |
| Chi phí khác | 390.835.240 | |
| Cộng | 2.109.951.659 | 271.421.250 |
| 7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân công | 4.299.242.635 | 1.911.382.846 |
| Chi phí công cụ dụng cụ sản xuất | 4.068.182 | 4.068.182 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 51.793.423.457 | 25.492.022.901 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 10.925.139.657 | 4.007.947.769 |
| Chi phí khác | 1.455.095.421 | 1.510.270.089 |
| Cộng | 68.476.969.352 | 32.925.691.787 |
| 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 31.015.306.031 | 15.860.898.918 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | (4.576.620.081) | - |
| - Chi trả lợi nhuận Hợp tác kinh doanh | (4.576.620.081) | |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 26.438.685.950 | 15.860.898.918 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 135.000.000 | 125.664.285 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 195,84 | 126,22 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau: | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 135.000.000 | 135.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng tiền trong năm | - | - |
| Cổ phiếu PT đang lưu hành BQ trong kỳ | 135.000.000 | 135.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------|----------------|------------------|
| Ban Lãnh đạo | | |
| Tiền lương, thưởng, phụ cấp | 444.705.000 | 256.500.000 |

Trong kỳ không phát sinh các nghiệp vụ giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.4; V.15 và V.16.

B. Giao dịch với bên liên quan khác:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành | + Giám đốc công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Giám đốc công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Giám đốc công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là em trai của chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành + Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành |
| Công ty TNHH đầu tư xây lắp Trường Thành | + Giám đốc công ty TNHH Đầu tư xây lắp Trường Thành là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Giám đốc công ty TNHH Đầu tư xây lắp Trường Thành là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Giám đốc công ty TNHH Đầu tư xây lắp Trường Thành là em trai của chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành |
| Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản Ninh Thuận | + Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản Ninh Thuận là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| | |
|---------------------------------------|---|
| | Trường Thành |
| Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai | + Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai + Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành |

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Kỳ này

Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành

Thanh toán khối lượng công việc hoàn thành và Tạm ứng thực hiện công việc theo Hợp đồng xây dựng 11.807.549.608

Công ty TNHH đầu tư xây lắp Trường Thành

Phải trả khối lượng công việc hoàn thành 2.085.471.249

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V3; V4; V.10 và V.12.

2. Chi phí lãi vay vốn hóa

Trong năm công ty phát sinh các chi phí lãi vay đã **vốn hóa** như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Vốn hóa chi phí lãi vay cho các khoản vay riêng biệt | - | 48.992.854.916 |

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Khu vực địa lý

Công ty có các khu vực kinh doanh chính sau:

- Khu vực Yên Bái
- Khu vực Ninh Thuận

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Kinh doanh điện, chuyển nhượng đường dây điện
- Lĩnh vực khác: Bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng của Doanh nghiệp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| | Khu vực Yên Bái | Khu vực Ninh Thuận | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|------------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 75.598.202.960 | 81.340.467.629 | 3.691.026.265 | 160.629.696.854 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 75.598.202.960 | 81.340.467.629 | 3.691.026.265 | 160.629.696.854 |
| Chi phí bộ phận | 34.971.492.742 | 29.477.252.639 | 3.691.026.265 | 68.139.771.646 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 40.626.710.218 | 51.863.214.990 | - | 92.489.925.208 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | - |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 5.446.758 |
| Chi phí tài chính | | | | (52.721.422.936) |
| Thu nhập khác | | | | - |
| Chi phí khác | | | | (2.109.951.659) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (2.891.888.619) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.019.167.909 | 46.681.508.481 | | 31.015.306.031 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 27.156.859.336 | 24.745.342.915 | | 48.700.676.390 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | | 51.902.202.251 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cơm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

| Số cuối kỳ | Khu vực Ninh Thuận | | |
|--|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| | Khu vực Yên Bái | Các khoản loại trừ | Cộng |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 4.618.263.902.398 | 2.160.489.467.662 | 4.716.725.151.083 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | <u>4.618.263.902.398</u> | <u>(2.062.028.218.977)</u> | <u>4.716.725.151.083</u> |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | |
| Tổng tài sản | 3.000.697.563.228 | 2.098.923.671.488 | 3.037.593.015.739 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | <u>3.000.697.563.228</u> | <u>(2.062.028.218.977)</u> | <u>3.037.593.015.739</u> |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | |
| Tổng nợ phải trả | 3.000.697.563.228 | (2.062.028.218.977) | 3.037.593.015.739 |

Lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------|------------------------|-----------------------|
| Lĩnh vực kinh doanh điện | 156.938.670.589 | 88.982.093.959 |
| Lĩnh vực khác | - | - |
| Cộng | 156.938.670.589 | 88.982.093.959 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay và nợ | 218.297.000.000 | 240.141.125.395 | 1.938.699.966.088 | 2.397.138.091.483 |
| Phải trả người bán | 72.113.153.233 | | | 72.113.153.233 |
| Các khoản phải trả khác | 44.863.506.400 | | | 44.863.506.400 |
| Cộng | 335.273.659.633 | 240.141.125.395 | 1.938.699.966.088 | 2.514.114.751.116 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 273.562.000.000 | 1.441.476.600.818 | 714.635.361.013 | 2.429.673.961.831 |
| Phải trả người bán | 84.171.081.719 | - | - | 84.171.081.719 |
| Các khoản phải trả khác | 165.134.216.622 | - | - | 165.134.216.622 |
| Cộng | 522.867.298.341 | 1.441.476.600.818 | 714.635.361.013 | 2.678.979.260.172 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.916.436.374 | 4.005.735.990 | 17.916.436.374 | 4.005.735.990 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 53.827.208.031 | 49.063.025.057 | 53.827.208.031 | 49.063.025.057 |
| Các khoản phải thu khác | 102.686.842 | 2.564.380.429 | 102.686.842 | 2.564.380.429 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 115.500.000.000 | 115.500.000.000 | 115.500.000.000 | 115.500.000.000 |
| Cộng | 188.546.331.247 | 172.333.141.476 | 188.546.331.247 | 172.333.141.476 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 2.397.138.091.483 | 2.429.673.961.831 | 2.397.138.091.483 | 2.429.673.961.831 |
| Phải trả người bán | 72.113.153.233 | 84.171.081.719 | 72.113.153.233 | 84.171.081.719 |
| Các khoản phải trả khác | 44.863.506.400 | 165.134.216.622 | 44.863.506.400 | 165.134.216.622 |
| Cộng | 2.514.114.751.116 | 2.678.979.260.172 | 2.514.114.751.116 | 2.678.979.260.172 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành đang thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với các khoản vốn góp và nợ phải trả của Ông Trần Huy Đức cho các đối tượng có liên quan.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 25 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Khánh Huyền

Nguyễn Dũng Hoàng

Nguyễn Duy Hưng